

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 9 và 9 tháng năm 2014

Ước tính kết quả thực hiện kế hoạch một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2014

	Kế hoạch năm	Ước thực hiện	
		9 tháng	Cả năm
1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP – (%)	9,5-10	8,9	9,5
Trong đó: Nông, lâm, thủy sản	5,0	5,9	5,9
Công nghiệp và xây dựng	7,5-7,7	6,9	7,5
Dịch vụ	11,1-11,7	10,3	10,9
2 Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp (%)			
3 Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu (%)	10,0	4,0	
Trong đó: - trừ dầu thô		2,7	
4 Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	275.236	131.286	250.392
Tỷ trọng so với GDP (%)	31	22,1	28,8
5 Thu hút vốn đầu tư nước ngoài (triệu USD)		1.097,6	
6 Tổng thu ngân sách nhà nước (tỷ đồng)	226.300	189.316,6	240.742
Thu ngân sách không tính dầu thô		165.690,4	210.442
T.đó: * Thu nội địa (tỷ đồng)	124.200	101.390,4	126.442
Tốc độ tăng (%)		18,2	11,0
* Thu từ xuất nhập khẩu (tỷ đồng)	74.800	64.300	84.000
Tốc độ tăng (%)		17,2	9,6
7 Chi ngân sách địa phương (tỷ đồng)	41.979	47.658	54.758,3
T.đó: Chi đầu tư phát triển	11.145	12.538,5	17.489,5
Tỷ trọng chi đầu tư phát triển (%)		26,3	37,6
8 Số LĐ được giải quyết việc làm (nghìn người)	265	218,4	
Trong đó: Được tạo việc làm mới	120	88	

Sang quý 3 tình hình kinh tế tiếp tục có nhiều dấu hiệu khả quan hơn: sản xuất công nghiệp và hoạt động xây dựng tăng khá và cao hơn mức tăng cùng kỳ, tín dụng tăng 5% so cuối năm 2013 (đến 6 tháng chỉ tăng 0,7%), tuy nhiên lượng hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng có mức tăng thấp hơn cùng kỳ. Chín tháng đầu năm tổng vốn đầu tư xã hội đạt 131.286 tỷ đồng bằng 22,1% tổng sản phẩm trên địa bàn tăng 6,1% so 9 tháng năm 2013 (cùng kỳ tăng 3,3%); vốn đầu tư nước ngoài của các dự án đăng ký mới tăng 68,7% (cùng kỳ tăng 8%); chỉ số sản xuất công nghiệp ước đạt 6,77% (cùng kỳ 6%); giá trị sản xuất xây dựng tăng 8,8% (cùng kỳ tăng 5,8%); tổng mức bán lẻ hàng hóa và

doanh thu dịch vụ loại trừ giá tăng 7,4% (cùng kỳ tăng 8,7%). Tổng thu ngân sách nhà nước tăng 13,6% và đạt 83,7% so dự toán, chi ngân sách tăng 15,7%.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế và xã hội trong 9 tháng đầu năm:

I. GIÁ TRỊ TỔNG SẢN PHẨM NỘI ĐỊA (GDP)

Giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn 9 tháng đầu năm ước đạt 593.552 tỷ đồng (theo giá thực tế), tăng 8,9% so cùng kỳ năm trước .

Tổng sản phẩm 9 tháng

	Tổng GDP (Tỷ đồng - giá thực tế)	Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm 2013 (%)	Đóng góp vào tốc độ tăng (%)
Tổng số	593.552	8,9	8,9
<i>Chia theo khu vực</i>			
- Nông lâm thủy sản	5.427	5,9	0,05
- Công nghiệp và xây dựng	237.519	6,9	2,89
+ Công nghiệp	208.918	6,9	2,54
+ Xây dựng	28.602	6,7	0,35
- Dịch vụ	350.606	10,3	5,92

Trong 8,9% tăng trưởng chung: khu vực thương mại dịch vụ đóng góp 5,92%; khu vực công nghiệp và xây dựng đóng góp 2,89%; khu vực nông lâm thủy sản 0,05%.

- Giá trị tăng thêm khu vực nông lâm thủy sản đạt 5.427 tỷ đồng, chiếm 0,9% GDP, tăng 5,9%.

- Giá trị tăng thêm của khu vực công nghiệp và xây dựng đạt 237.519 tỷ đồng chiếm 40% GDP, tăng 6,9%. Trong đó công nghiệp chiếm 35,2%, tăng 6,9%; xây dựng chiếm 4,8%, tăng 6,7%.

- Giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ đạt 350.606 tỷ đồng chiếm 59,1% tăng 10,3%. Trong đó ngành thương nghiệp tăng 8,3%, ngành khách sạn nhà hàng tăng 7,7%, vận tải kho bãi 12,4% .

Dự ước tốc độ tăng GDP cả năm 2014 đạt 9,5%. Trong đó: khu vực dịch vụ tăng 10,9% và khu vực công nghiệp – xây dựng tăng 7,5%.

II. CÔNG NGHIỆP

Ước tính chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 9 tăng nhẹ so tháng 8, đạt 100,5%. Một số ngành có chỉ số sản xuất tăng so tháng trước: sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (+12,9%); sản phẩm từ cao su và plastic (+7,6%); thuốc (+4,6%); da giày (+4,3%); công nghiệp chế biến, chế tạo khác (+4,1%); thuốc lá (+3,0%); hóa chất (+3,0%); kim loại (+2,2%).....Một số ngành có chỉ số sản xuất giảm so tháng trước: sản xuất phương tiện vận tải khác (-17,7%); xe có động cơ (-12,2%); thực phẩm chế biến (-4,4%); trang phục (-1,9%); in ấn (-1,2%)...

So với tháng 9/2013, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 8,5%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 9 tháng đầu năm ước tăng 6,8% so với cùng kỳ năm 2013. Trong đó ngành công nghiệp khai khoáng tăng 3,8%; công nghiệp chế biến,

chế tạo tăng 6,8%; sản xuất phân phối điện tăng 6,6%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 8,0%. Tình hình sản xuất ở một số ngành có tỷ trọng cao như sau:

Chỉ số phát triển công nghiệp một số ngành chủ yếu

Đơn vị tính: %

	Tháng 9 so với tháng 8	9 tháng so với cùng kỳ năm 2013
Tổng số	100,5	106,8
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai thác mỏ	100,4	103,8
2. Công nghiệp chế biến	100,5	106,8
3. SX và phân phối điện	101,9	106,6
4. Cung cấp nước và xử lý rác thải	100,6	108,0
Một số ngành chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	95,7	102,8
2. Sản xuất đồ uống	102,1	99,1
3. Sản xuất trang phục	98,1	112,9
4. Sản xuất da và SP liên quan	104,3	105,2
5. SX hóa chất và SP hóa chất	103,0	100,2
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	107,6	101,1
7. SP. từ khoáng phi kim loại	100,6	104,6
8. Sản xuất SP điện tử	102,2	109,7
9. Sản xuất thiết bị điện	101,0	113,7
10. Sản xuất xe có động cơ	87,8	174,3

Theo ngành công nghiệp cấp 2, có 19/26 ngành tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó những ngành có chỉ số sản xuất 9 tháng tăng cao như: xe có động cơ (+74,3%); phương tiện vận tải khác (+34,1%); giường, tủ, bàn, ghế (+17,9%); thiết bị điện (+13,7%); trang phục (+12,9%); sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (+12,6%); giày (+12,6%). Một số ngành có mức tăng khá: sản xuất sản phẩm điện tử (+9,7%); khai thác xử lý nước (+9,0%); thuốc (+ 8,6%); thu gom xử lý rác (+7,5%); sản xuất và phân phối điện (+6,6%) da giày (+5,2%). Một số ngành có mức tăng thấp hoặc giảm là: sản xuất chế biến thực phẩm (+2,8%); sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+1,1%); dệt (+0,2%); hóa chất (+0,2%); thuốc lá (-23,4%); kim loại (-22,0%); đồ uống (-0,9%)...

Kết quả sản xuất 4 ngành công nghiệp trọng điểm: ước tháng 9 giảm 0,3% so với tháng 8; tăng 9,4% so với tháng 9 cùng kỳ. Tính chung 9 tháng tăng 8,0% so với cùng kỳ, cao hơn mức tăng chung của toàn ngành, bao gồm: ngành chế biến lương thực, thực phẩm tăng 0,7%, hóa dược cao su tăng 3,3%, điện tử tăng 9,4% và cơ khí chế tạo tăng 19,0%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 8 tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 5,6% so với tháng cùng kỳ năm trước. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ tháng 8 tăng so với tháng trước: sản xuất sản phẩm điện tử; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại; dệt; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic

Tính chung 8 tháng, chỉ số tiêu thụ ngành này tăng 6,1% so với cùng kỳ năm 2013. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ 8 tháng tăng cao so với cùng kỳ 2013: sản xuất phương tiện vận tải; sản xuất xe có động cơ; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn; sản

xuất giường, tủ, bàn, ghế; sản xuất giấy; thuốc. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ 8 tháng tăng thấp: sản xuất sản phẩm điện tử; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; da giày; trang phục; hóa chất; dệt, sản xuất đồ uống...

Chỉ số tồn kho toàn ngành toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 01/9 giảm 6,7% so với cùng thời điểm năm trước. Một số ngành có chỉ số tồn kho tồn kho giảm: sản xuất xe có động cơ; sản xuất phương tiện vận tải khác; sản xuất giường, tủ bàn, ghế; sản xuất đồ uống; thuốc lá... Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng: sản xuất sản phẩm điện tử; sản xuất giấy; sản xuất chế biến thực phẩm; sản xuất trang phục.

III. XÂY DỰNG

Giá trị sản xuất xây dựng quý III trên địa bàn thành phố theo giá thực tế ước thực hiện 46.191,8 tỷ đồng, tăng 21,1% so với quý trước, mức tăng khá cao tuy nhiên so với quý III/2013 chỉ tăng 10,9%. Nhìn chung, giá trị sản xuất xây dựng của các khu vực đều tăng so với quý trước và quý III cùng kỳ năm 2013. So với quý II: khu vực kinh tế nhà nước +20,9%; khu vực kinh tế tư nhân +21,9%; khu vực kinh tế có vốn nước ngoài +11,8%. **Cộng dồn 3 quý theo giá thực tế** ước thực hiện 113.497 tỷ đồng, tăng 8,8% so với cùng kỳ, bao gồm: kinh tế nhà nước +2,9%; khu vực kinh tế tư nhân +9,4%; khu vực kinh tế có vốn nước ngoài +9,0%. **Cả năm** ước thực hiện 167.519,3 tỷ đồng, tăng 9,8% so năm trước, trong đó: khu vực kinh tế nhà nước +3,2%; khu vực kinh tế tư nhân +10,6%; khu vực kinh tế có vốn nước ngoài +8,2%.

Giá trị sản xuất xây dựng cộng dồn ba quý theo giá so sánh ước thực hiện 93.450 tỷ đồng, tăng 6,7% so với cùng kỳ, bao gồm: khu vực kinh tế nhà nước +0,9%; khu vực kinh tế tư nhân + 7,3%; khu vực kinh tế có vốn nước ngoài +7,0%.

IV. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

Tổng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 9 tháng năm 2014 ước đạt 10.340,8 tỷ đồng (*giá thực tế*) tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó hoạt động nông nghiệp tăng 4,4%, lâm nghiệp tăng 46,9% và thủy sản tăng 9,7%.

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản chín tháng năm 2014

	Giá thực tế		Giá cố định 2010	
	Tỷ đồng	Cơ cấu (%)	Tỷ đồng	% so với cùng kỳ năm 2013
Tổng số	10.340,8	100,0	7.354,1	105,9
Nông nghiệp	7.275,4	70,4	5.618,1	104,4
Trồng trọt	2.575,4	24,9	2.081,6	103,9
Chăn nuôi	4.064,4	39,3	3.046,5	104,1
Dịch vụ	635,6	6,2	490,0	109,4
Lâm nghiệp	113,5	1,1	70,7	146,9
Thủy sản	2.951,9	28,5	1.665,3	109,7

1. Nông nghiệp

Giá trị sản xuất nông nghiệp 9 tháng ước đạt 7.275,4 tỷ đồng (*giá thực tế*) tăng 4,4% so cùng kỳ. Trong đó, trồng trọt chiếm 35,4%, tăng 3,9%; chăn nuôi chiếm 55,9%, tăng 4,1%; dịch vụ tăng 9,4%.

1.1 Trồng trọt

Vụ đông xuân: diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 11.406 ha, giảm 2,7% so với cùng kỳ. Trong đó, lúa 5.558,2 ha, giảm 8,4%, sản lượng lúa đạt 26.518,4 tấn; rau 3.804,6 ha, giảm 2,7%, sản lượng 99.302 tấn, tăng 3,4%; diện tích bắp 896,6 ha, tăng 16,9%; đậu phộng giảm 4%...

Vụ hè thu: gieo trồng ước đạt 11.300 ha, tăng 4,3% so với cùng kỳ; trong đó, lúa 6.468 ha, tăng 3,1%, sản lượng lúa tăng 3%. Diện tích rau 3.321 ha, tăng 3,5%; bắp tăng hơn 2,6 lần so với cùng kỳ.

Vụ mùa: Dự ước diện tích gieo trồng lúa mùa đạt 8.832 ha, giảm 1,4% so với cùng kỳ; rau 3.376 ha, tăng 4,1%; bắp tăng 1,2%; đậu phộng tăng 1,6%...

1.2 Chăn nuôi: Giá trị sản xuất hoạt động chăn nuôi 9 tháng ước đạt 4.064,4 tỷ đồng (*giá thực tế*), tăng 4,1% so với cùng kỳ. Trong đó, chăn nuôi bò chiếm 45,5%, tăng 5,4%, chủ yếu do sản lượng sữa tăng 5,5%; chăn nuôi heo chiếm 52,1%, tăng 2,1%.

2. Lâm nghiệp

Giá trị sản xuất lâm nghiệp 9 tháng ước đạt 113,5 tỷ đồng (*giá thực tế*), tăng 46,9% so với cùng kỳ năm trước; chủ yếu do hoạt động khai thác tăng 61,1%.

Trồng mới 160 ha rừng tập trung, giảm 14% so với cùng kỳ. Khai thác 10.122 m³ gỗ, tăng 4,5%; sản lượng củi 1.669 ster, giảm 29%.

Trong 9 tháng đầu năm, Chi cục Kiểm lâm đã tổ chức kiểm tra 1.987 lượt/468 cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh gỗ, lâm sản. Về công tác cứu hộ động vật hoang dã, Trạm cứu hộ tại huyện Củ Chi đã tiếp nhận cứu hộ 2.166 cá thể động vật hoang dã, chuyển về trại và thả về môi trường tự nhiên 2.067 cá thể; hiện nay có 172 loài cá thể thuộc 45 loài đang được chăm sóc và cứu hộ tại trạm.

3. Thủy sản

Giá trị sản xuất thủy sản 9 tháng ước đạt 2.951,9 tỷ đồng (*giá thực tế*), tăng 9,7% so với cùng kỳ; trong đó, nuôi trồng tăng 9,6%, khai thác tăng 21,3%.

Sản lượng thủy sản 9 tháng ước đạt 43.075,2 tấn, tăng 9,8% so với cùng kỳ. Trong đó, sản lượng thủy sản khai thác 20.676,5 tấn, tăng 2% (sản lượng cá giảm 8%, tôm tăng 20,9%); nuôi trồng 22.398,7 tấn, tăng 18,1% so với cùng kỳ, riêng sản lượng tôm giảm 3%, các loại thủy sản khác như ngao, sò... tăng 191,6% so với cùng kỳ.

Từ đầu năm đến nay, đã có 273 lượt hộ nuôi có tôm bị bệnh trên diện tích 192 ha gây thiệt hại 94,7 triệu con giống. 124 hộ với 86,6 ha được xử lý dập bệnh bằng thuốc của Quỹ phòng ngừa dịch bệnh, số còn lại hộ tự xử lý. Phát hiện nhêu chết tại huyện Cần Giờ với tỷ lệ chết ước khoảng 30% trên diện tích 332 ha, Chi cục Thú y đã có các biện pháp phòng trị kịp thời, hiệu quả không để lây lan dịch bệnh.

Dự ước giá trị sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản năm 2014 đạt 16.105,5 tỷ đồng (*giá thực tế*) tăng 5,9% so với năm 2013; trong đó, sản xuất nông nghiệp tăng 4,7%, lâm nghiệp tăng 12,7% và thủy sản tăng 9,9%.

4. Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp

4.1. Phát triển giống cây, giống con chất lượng cao

Trong 9 tháng đầu năm, đã trồng thử nghiệm những giống cây lúa, rau, củ, quả có năng suất cao, chất lượng, khả năng kháng sâu bệnh và có nhiều đặc tính tiên bộ so với giống cũ, trong đó có 46 giống rau, 4 giống lúa. Hoa kiểng có khoảng 9,5 triệu cây giống cây mô để cung ứng cho thị trường hàng năm (hoa lan có trên 330 giống, trong đó lan rừng 110 giống).

Tỷ lệ heo giống cấp 1 đạt 100% và đặc cấp chiếm trên 96%, các chỉ tiêu kỹ thuật được cải thiện về: rút ngắn thời gian nuôi và giảm chi phí nuôi dưỡng, chất lượng heo tăng... cung cấp hàng năm cho thị trường bình quân 900 ngàn heo con giống và gần 1 triệu tinh heo giống cho ngành chăn nuôi. 9 tháng đầu năm nay, các đơn vị kinh doanh đã cung cấp tinh bò sữa chất lượng có nguồn gốc từ Mỹ, Hà Lan, Canada, Newzeland, Israel và Việt Nam 116,1 ngàn liều; hiện nay, Trung tâm Quản lý và Kiểm định giống cây trồng, vật nuôi tiếp tục triển khai thực hiện chương trình nhập nội, cải thiện chất lượng đàn giống bò sữa thành phố.

4.2. Phát triển rau an toàn

Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ Nông nghiệp đã chứng nhận VietGap cho 75 tổ chức, cá nhân với tổng diện tích 74,6 ha, tương đương 412,2 ha diện tích gieo trồng trong 9 tháng đầu năm 2014. Lũy kế đến nay, có 120 tổ chức, cá nhân được chứng nhận với tổng diện tích 86,3 ha (478,4 ha gieo trồng).

V. VỐN ĐẦU TƯ

Tổng vốn đầu tư xã hội trên địa bàn 9 tháng ước thực hiện 131.286 tỷ đồng so với cùng kỳ tăng 6,1% (9 tháng năm 2013 tăng 3,3%).

Vốn đầu tư trên địa bàn 9 tháng

	Ước thực hiện (tỷ đồng)	So với cùng kỳ 2013(%)	Cơ cấu (%)
Tổng số	131.286	106,1	100,0
- Vốn nhà nước	33.123	104,1	25,2
<i>Trong đó: Vốn ngân sách địa phương</i>	11.827	101,0	9,0
- Vốn ngoài nhà nước	73.229	106,7	55,8
- Vốn nước ngoài	24.934	106,9	19,0

Vốn đầu tư XD CB và sửa chữa lớn trên địa bàn 9 tháng ước thực hiện 110.258 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 6,2%; so với kế hoạch năm đạt 46,8% (9 tháng năm 2013 tăng 3,3%, đạt 48,5% kế hoạch năm).

Trong đó vốn ngân sách thành phố 11.828 tỷ đồng, tăng 1% so với cùng kỳ và đạt 81,6% kế hoạch năm (9 tháng cùng kỳ tăng 2,4%; so kế hoạch đạt 69%). Cấp thành

phổ ước thực hiện 7.030,8 tỷ đồng, chiếm 59,4%, so với cùng kỳ tăng 10,5%; cấp quận huyện ước thực hiện 4.797,2 tỷ đồng, chiếm 40,6%, so với cùng kỳ bằng 89,7%.

Vốn đầu tư thuộc ngân sách thành phố

	Ước thực hiện 9 tháng (tỷ đồng)	% thực hiện so với	
		Kế hoạch	Cùng kỳ năm 2013
Tổng vốn đầu tư	11.828,0	81,6	101,0
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	662,2	102,8	81,4
Cấp thành phố	7.030,8	72,5	110,5
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	462,8	105,3	111,6
Cấp quận huyện	4.797,2	83,8	89,7
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	199,4	97,4	50,3

Tình hình chung từ đầu năm đến nay có nhiều công trình hoàn thành đưa vào sử dụng nhằm giảm tải áp lực giao thông thành phố. Cụ thể: về phía Đông, sau khi đưa vào sử dụng nút giao giữa đường cao tốc và đường vành đai 2, tạo điều kiện khai thác tuyến đường cao tốc TP. HCM – Long Thành – Dầu Giây, áp lực ùn tắc trên tuyến đường Xa lộ Hà Nội đã giảm hẳn và thông thoáng rất nhiều. Về phía Tây, thành phố đang dồn vốn cho các dự án dở dang, cụ thể hai dự án huyết mạch là tỉnh lộ 10 và 10B, dù đã chậm trễ nhiều năm nhưng dự kiến cũng sẽ hoàn thành vào cuối năm nay.

Tình hình thực hiện các công trình trọng điểm có sử dụng vốn ngân sách thành phố :

- Dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên: đang thi công nền móng và hạ tầng đoạn từ quận 2 đến Trạm 2, quận 9.
- Dự án đường cao tốc TP. HCM – ngã ba Dầu Giây, Hiện đang thi công tại nút tiếp giáp với đường Đại lộ Đông Tây.
- Dự án đường vành đai Tân Sơn Nhất – Bình Lợi: Hiện đang thi công đoạn cuối từ đoạn tiếp giáp đường Kha Vạn Cân đến cuối tuyến phường Linh Tây.

2. Tình hình cấp giấy phép đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 15/9, đã có 277 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn thành phố với vốn đăng ký đạt 1.097,6 triệu USD (vốn điều lệ 745,9 triệu USD). Chia theo hình thức đầu tư: 100% vốn nước ngoài 200 dự án, vốn đầu tư 491,7 triệu USD; liên doanh 77 dự án, vốn đầu tư 606 triệu USD.

Theo ngành nghề đầu tư: công nghiệp 30 dự án, vốn đầu tư 242,5 triệu USD, chiếm 22,1% tổng vốn đăng ký cấp mới; thương nghiệp 70 dự án, vốn đầu tư 209,6 triệu USD (chiếm 19,1%); hoạt động kinh doanh bất động sản 7 dự án, vốn đầu tư 450,4 triệu USD (chiếm 41,1%); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ 58 dự án, vốn đầu tư 156,1 triệu USD (chiếm 14,2%); thông tin và truyền thông 67 dự án, vốn đầu tư 12,9 triệu USD; xây dựng 14 dự án, vốn đầu tư 8,1 triệu USD; vận tải kho bãi 19 dự án, vốn đầu tư 7,6 triệu USD...

Chia theo đối tác đầu tư: đã có 40 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư, trong đó British Virgin Islands 7 dự án, vốn đầu tư 346,3 triệu USD (chiếm 31,6%); Singapore 33 dự án, vốn đầu tư 224,4 triệu USD (chiếm 20,4%); Nhật Bản 61 dự án, vốn đầu tư 206,1 triệu USD (chiếm 18,8%); Hàn Quốc 37 dự án, vốn đầu tư 67,7 triệu USD (chiếm 6,2%); Cayman Islands 1 dự án, vốn đầu tư 63,5 triệu USD (chiếm 5,8%); Samoa 2 dự án, vốn đầu tư 51 triệu USD; Hồng Kông 16 dự án, vốn đầu tư 50,3 triệu USD; Đài Loan 9 dự án, vốn đầu tư 7,9 triệu USD; Trung Quốc 8 dự án, vốn đầu tư 2,7 triệu USD...

Điều chỉnh vốn đầu tư 85 dự án, số vốn tăng 216,2 triệu USD. Tổng vốn đăng ký cấp mới và điều chỉnh đến ngày 15/9 đạt 1.313,8 triệu USD (cùng kỳ năm trước đạt 1.225,6 triệu USD). Dự án giải thể, chuyển đi tình thành và rút phép trước hạn 34 dự án, vốn đầu tư 84 triệu USD.

Số dự án còn hiệu lực hoạt động đến ngày 15/9 trên địa bàn thành phố 5.167 dự án với tổng vốn đăng ký 34,52 tỷ USD.

3. Tình hình cấp phép xây dựng nhà ở hộ dân cư

Tính đến ngày 31/8, toàn thành phố đã cấp 32.828 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 6.326,4 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 32.048 giấy phép, với diện tích 6.248,7 ngàn m² và 770 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 77,7 ngàn m².

So với cùng kỳ tăng 19,9% về giấy phép (+ 5.454 giấy phép) và tăng 32,8% về diện tích (+ 1.562,8 ngàn m²).

4. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động

4.1. Cấp phép thành lập doanh nghiệp (khu vực không có vốn nước ngoài)

Tính từ đầu năm đến 15/9 đã có 16.533 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, giảm 12,1% so với cùng kỳ năm trước; trong tổng số gồm: 750 doanh nghiệp tư nhân, 1.739 công ty cổ phần và 14.044 công ty TNHH. Tổng vốn đăng ký thành lập doanh nghiệp 90.251 tỷ đồng, tăng 5,9% cùng kỳ năm trước; như vậy tuy số lượng doanh nghiệp giảm nhiều nhưng quy mô doanh nghiệp mới thành lập năm nay lớn hơn năm trước. Tính chung qui mô vốn bình quân 1 doanh nghiệp tăng 21,3% so cùng kỳ. Xét theo các khu vực kinh tế, khu vực nông lâm thủy sản 32,9% về số lượng doanh nghiệp và 2,27 lần về vốn đăng ký; khu vực công nghiệp giảm 12,7% về số lượng doanh nghiệp và giảm 17,7% về vốn đăng ký; khu vực thương mại dịch vụ giảm 12% về số lượng và tăng 16,4% về vốn đăng ký.

4.2. Doanh nghiệp ngừng hoạt động

Theo cơ quan Thuế thành phố, 8 tháng đầu năm có 17.149 doanh nghiệp ngưng nghỉ hoạt động, bằng 81,7% số doanh nghiệp tăng trong kỳ (bao gồm doanh nghiệp được cấp mã số thuế mới là 15.946 và số doanh nghiệp tái hoạt động sau thời gian ngưng nghỉ là 5.037). So với 8 tháng cùng kỳ, số doanh nghiệp ngưng nghỉ tăng 11,9%. Trong tổng số 17.149 doanh nghiệp ngưng hoạt động có 156 doanh nghiệp có

vốn đầu tư nước ngoài bằng 92,3% số cùng kỳ và 16.993 doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 12,3% so cùng kỳ.

VI. NỘI THƯƠNG VÀ GIÁ TIÊU DÙNG

1. Nội thương:

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ trên địa bàn thành phố tháng 9 ước đạt 55.709.2 tỷ đồng, tăng 2,2% so với tháng trước, tăng 12% so với tháng cùng kỳ.

Ước tính 9 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ đạt 476.140,2 tỷ đồng, tăng 12,5% so cùng kỳ năm 2013. **Loại trừ biến động giá, lượng hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng 7,4%.**

Chia theo thành phần kinh tế:

- Kinh tế nhà nước 69.876,2 tỷ đồng, chiếm 14,7%, tăng 10,9%.
- Kinh tế ngoài nhà nước 383.062,5 tỷ đồng, chiếm 80,5%, tăng 12,7%
- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 23.201,5 tỷ đồng, chiếm 4,9%, tăng 14,1%.

Chia theo ngành kinh tế:

- Thương nghiệp 355.862 tỷ đồng, chiếm 74,7%, tăng 13,7%. Trong đó các nhóm hàng có mức tăng cao hơn mức tăng chung là: phương tiện đi lại tăng 23%; xăng dầu tăng 14,3%, nhóm hàng hóa khác tăng 21,3%.
- Khách sạn, nhà hàng 50.989,4 tỷ đồng, chiếm 10,7%, tăng 8,3%.
- Dịch vụ 30.875,7 tỷ đồng, chiếm 6,5%, tăng 11,3%.
- Du lịch 14.284,2 tỷ đồng, chiếm 3%, tăng 12,5%.

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ phân theo ngành hàng

	Ước thực hiện 9 tháng (tỷ đồng)			% so sánh 9 tháng với cùng kỳ 2013		
	Trên địa bàn	K.tế trong nước	K.tế có vốn ĐTNN	Trên địa bàn	K. tế trong nước	K.tế có vốn ĐTNN
Tổng mức	476.140	452.939	23.201	112,5	112,4	114,1
Tr.đó: Thương nghiệp	355.862	346.247	9.616	113,7	113,3	131,2
Khách sạn	4.711	2.624	2.088	97,3	100,9	93,1
Nhà hàng	46.278	43.356	2.922	109,6	110,8	94,3
Dịch vụ du lịch lữ hành	14.284	12.800	1.484	112,5	112,6	111,3

Hoạt động du lịch: Doanh thu khách sạn và dịch vụ lữ hành 9 tháng 2014 ước đạt 18.996 tỷ đồng, chiếm 4% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, tăng 8,3% so cùng kỳ.

2. Chỉ số giá

2.1 Giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 9 so với tháng 8 tăng 1,13%, tăng 1,08 điểm phần trăm so mức tăng giá của tháng 8, do chịu tác động của nhóm giáo dục tăng 19,02% khi các hầu hết các loại hình giáo dục của thành phố đồng loạt tăng học phí năm học 2014-2015 theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ và hướng dẫn liên sở số 2949/HDLS/GDDT-TC của sở Giáo dục và đào tạo và sở Tài chính.

Trong tháng có 5 nhóm mặt hàng tăng giá: nhóm giáo dục (+19,02%); nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,39%); nhóm may mặc mũ nón giày dép (+0,30%); nhóm đồ uống và thuốc lá (+0,14%) và nhóm hàng hóa dịch vụ khác (+0,04%), 5 nhóm mặt hàng giảm giá: nhóm giao thông (-2,03%); nhóm nhà ở điện nước (-0,55%); nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (-0,20%); nhóm thuốc và dịch vụ y tế (-0,04%) và nhóm văn hóa giải trí du lịch (-0,02%), riêng nhóm bưu chính viễn thông không biến động.

Một số tình hình cụ thể về biến động giá trong tháng như sau:

Giá lương thực giảm nhẹ (-0,25%); thực phẩm giảm 0,42% với các mặt hàng chính như trứng giảm 2,97%; thủy sản tươi sống giảm 0,26%; các loại đậu hạt giảm 0,49%; rau giảm 4,6%; trái cây giảm 0,09%; đường giảm 0,71%; thịt gia súc tăng 0,58%; gia cầm tăng 1,04%; thịt chế biến tăng 0,75%; dầu mỡ ăn tăng 0,72%; thủy sản chế biến tăng 0,15%. Nhóm nhà ở điện nước, VLXD giảm 0,55% do giá vật liệu xây dựng giảm nhẹ, giá gas giá dầu hỏa giảm khá (tương ứng -2,61% và -1,96%). Nhóm giáo dục tăng 19,02% cụ thể một số mặt hàng: học phí mẫu giáo nhà trẻ tăng 1,79%; học phí phổ thông công lập tăng 33,95%; học phí nghề kỹ thuật tăng 3,34%; học phí các trường trung cấp tăng 8,96%; học phí các trường cao đẳng tăng 18,46%; học phí các trường đại học tăng 12,89%. Nhóm giao thông là nhóm có mức giá giảm mạnh nhất trong tháng: -2,03%, chủ yếu do tác động của các lần giảm giá xăng dầu liên tiếp làm cho giá bình quân mặt hàng này trong tháng giảm 4,02%.

So với tháng 9/2013, chỉ số giá tiêu dùng tăng 3,16%. Trong đó có 3 nhóm giảm giá là giao thông (-0,21%); bưu chính viễn thông (-0,96%) và văn hóa giải trí (-0,95%). Các nhóm hàng còn lại đều tăng, trong đó tăng cao nhất là giáo dục (+19,2%) và y tế (+8,53%). Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn tăng 2,92%.

So với tháng 12/2013, chỉ số giá tiêu dùng tăng 2,41% (chỉ số này cùng kỳ là 4,43%), 3 nhóm hàng hóa có mức giá giảm: nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD giảm 3,05%, nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,82% và nhóm văn hóa giải trí giảm 0,59%. Các nhóm còn lại đều tăng: trong đó nhóm giáo dục tăng 18,94%, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,93%; nhóm y tế tăng 8,49%. Bình quân 1 tháng trong 9 tháng đầu năm giá tiêu dùng tăng 0,26%.

Mức tăng (+), giảm (-) giá tiêu dùng qua các tháng

	Đơn vị tính: %	
	Năm 2013	Năm 2014
So với tháng trước		
Tháng 1	+0,45	+0,40
Tháng 2	+1,00	+0,24
Tháng 3	-0,29	-0,46
Tháng 4	-0,33	-0,04
Tháng 5	-0,16	+0,36
Tháng 6	+0,12	+0,58
Tháng 7	+0,17	+0,12
Tháng 8	+0,31	+0,05
Tháng 9	+3,13	+1,13
Tháng 9 so với tháng 12 năm trước	+4,43	+2,41

2.2. Giá vàng và giá đô la Mỹ

Giá vàng tháng 9 giảm 0,93% so với tháng trước, giảm 4,8% so với tháng 9/2013 và tăng 2,05% so tháng 12/2013.

Chỉ số USD tháng 9 giảm 0,03% so tháng trước, tăng 0,19% so tháng 9/2013 và tăng 0,13% so tháng 12/2013.

VII. XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA

1. Xuất khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn tháng 9 ước đạt 1.932 triệu USD, giảm 12% so với tháng trước. Trong đó khu vực kinh tế trong nước giảm 21,3%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 7,4%.

Ước tính 9 tháng đầu năm, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 20.552,8 triệu USD, tăng 4% so cùng kỳ năm trước (+796 triệu USD).

Trong đó:

- Kinh tế nhà nước chiếm 33,9%, tăng 10,6%
- Kinh tế ngoài nhà nước chiếm 29,6%, giảm 2,3%
- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 36,5%, tăng 3,8%.

Loại trừ trị giá dầu thô, trị giá xuất khẩu 9 tháng đầu năm ước đạt 14.787,4 triệu USD, tăng 2,7%. Trong đó khu vực kinh tế nhà nước tăng 26,8%.

Mức xuất khẩu của các thành phần kinh tế (Không tính dầu thô)

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 9 2014	9 tháng 2014	Tháng 9 với tháng 8	9 tháng so cùng kỳ 2013
Tổng số	1.469,0	14.787,4	105,3	102,7
Kinh tế trong nước	701,4	7.288,6	103,1	101,5
Kinh tế Nhà nước	129,0	1.212,0	96,3	126,8
Kinh tế Ngoài nhà nước	572,3	6.076,5	104,7	97,7
Kinh tế có vốn nước ngoài	767,6	7.498,8	107,4	103,8

Chia theo nhóm hàng:

Nhóm hàng nông sản chiếm 19% trong tổng kim ngạch không tính dầu thô, tăng 7,9% so cùng kỳ, Hàng thủy hải sản chiếm 3,4%, tăng 9,6%. Hàng lâm sản chiếm 2,3%, tăng 19,2%; Nhóm hàng công nghiệp chiếm 67,2%, giảm 0,9%. Nhóm hàng hóa khác chiếm 8,1%, tăng 16,6%.

Chia theo thị trường: 3 thị trường lớn nhất là Nhật Bản, Mỹ, Trung Quốc chiếm 42,7% tổng kim ngạch xuất khẩu. So với cùng kỳ, xuất khẩu sang Mỹ giảm 6,4%, Nhật Bản tăng 1,1%, Trung Quốc tăng 31,8%.

Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu so với cùng kỳ:

+ Gạo: 1.869,1 ngàn tấn, trị giá 867,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 5,9% trong tổng kim ngạch xuất khẩu không tính dầu thô, tăng 19,4%. Thị trường Philippin

chiếm 48,5%, tăng 4,2 lần so cùng kỳ; Trung Quốc chiếm 16,9%, giảm 17,4%; Malaysia 9,2%, giảm 33,7%, Mỹ 5,1%, tăng 3,9 lần...

+ Cà phê: 260 ngàn tấn, trị giá 524,3 triệu USD, chiếm 3,5%, tăng 9,6%.

+ Thủy sản: 498,1 triệu USD, chiếm 3,4%, tăng 9,6%.

+ May mặc: 3.600,4 triệu USD, chiếm 24,3%, tăng 10,6%. Trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 48,4%, tăng 13%; khu vực trong nước chiếm 51,6% tăng 8,5%. Thị trường chủ yếu vẫn là Mỹ, Nhật và Hàn Quốc.

+ Giày dép: 1.400,7 triệu USD, chiếm 9,5%, tăng 4%. Trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 79,1%, tăng 2,5%; khu vực trong nước chiếm 20,9% tăng 10,2%.

+ Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: 1.798,4 triệu USD, chiếm 12,2%, giảm 15,6%. Khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 99,2% giảm 15%; khu vực trong nước chiếm 0,8%, giảm 56,4%.

Riêng dầu thô 5.765,5 triệu USD, chiếm 28,3% trong tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng 7,7%.

2. Nhập khẩu

Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố tháng 9 ước thực hiện 1.764,5 triệu USD, tăng 21,7% so với tháng trước và giảm 17,6% so tháng cùng kỳ.

Ước tính 9 tháng đầu năm, kim ngạch hàng hoá nhập khẩu đạt 17.403,8 triệu USD, giảm 9,9% so với cùng kỳ 2013. Kinh tế nhà nước chiếm 7,8%, giảm 46,4%; Kinh tế ngoài nhà nước chiếm 56%, giảm 7,2%; kinh tế có vốn nước ngoài chiếm 36,2%, tăng 0,4%.

Mức nhập khẩu của các thành phần kinh tế

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 9	9 tháng	Tháng 9 với tháng 8	9 tháng so cùng kỳ 2013
Tổng số	1.764,5	17.403,8	121,7	90,1
Kinh tế Nhà nước	105,3	1.363,1	137,5	53,6
Kinh tế Ngoài nhà nước	1.011,0	9.745,6	121,5	92,8
Kinh tế có vốn nước ngoài	648,2	6.295,1	119,8	100,4

Chia theo thị trường nhập khẩu: Thị trường Trung Quốc chiếm 19,9% trong tổng kim ngạch nhập khẩu, giảm 14,4% so cùng kỳ; Singapore 14,4%, tăng 66,2%; Mỹ 5,8%, tăng 20,7%; Nhật Bản 7%, tăng 5,8%; Đài Loan 7,2%, tăng 12,1%; Thái Lan 5,6%, giảm 6%; Hàn Quốc 7%, tăng 15%...

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu so cùng kỳ:

+ Nhiên liệu: 479,7 triệu USD, chiếm 2,8%, tăng 40,5%

+ Hóa chất 401,6 triệu USD, chiếm 2,3%, tăng 5,2%.

+ Các SP hóa chất 586,6 triệu USD, chiếm 3,4%, tăng 0,7%.

+ Dược phẩm 710,5 triệu USD, chiếm 4,1%, tăng 3,4%.

- + Chất dẻo đạt 1.146,5 triệu USD, chiếm 6,6%, tăng 7,3%.
- + Vải các loại 1.621,2 triệu USD, chiếm 9,3%, tăng 11,7%
- + Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày 580,3 triệu USD, chiếm 3,3%, tăng 12%.
- + Máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng 2.318,7 triệu USD, chiếm 13,3%, tăng 24,3%
- + Sữa và sản phẩm sữa nhập khẩu 360,1 triệu USD, chiếm 2,1%, giảm 1,1%.
- + Sắt thép đạt 772,1 triệu USD, chiếm 4,4%, giảm 5,1%.
- + Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện 2.064,4 triệu USD, chiếm 11,9%, giảm 15,5%.

VIII. VẬN TẢI

1. Vận tải hàng hóa và hành khách

Tổng doanh thu vận tải hàng hóa và hành khách tháng 9 ước đạt 5.596,9 tỷ đồng, tăng 3,5% so với tháng trước và tăng 16% so với cùng kỳ 2013.

Ước tính 9 tháng đầu năm đạt 45.138,1 tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó khu vực nhà nước chiếm 12,6%, tăng 7,7%; ngoài nhà nước chiếm 82,2%, tăng 17%, có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 5,1%, tăng 4,2%.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách 9 tháng đầu năm

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so sánh 9 tháng với cùng kỳ 2013	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	31.221,9	13.916,2	115,5	113,9
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	4.717,6	989,4	108,4	104,5
Kinh tế ngoài nhà nước	26.339,2	10.783,4	117,1	116,6
Kinh tế có vốn nước ngoài	165,1	2.143,5	86,2	105,9
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	17.275,2	11.789,6	117,2	115,6
Đường sông	2.982,5	262,9	116,7	124,8
Đường biển	10.918,2		112,7	
Hàng không	46,0	1.863,7	92,0	103,1

* **Vận tải hàng hóa:** Doanh thu 31.221,9 tỷ đồng, tăng 15,5% so cùng kỳ. Vận tải đường bộ chiếm 55,3%, tăng 17,2%. Vận tải đường biển chiếm 35%, tăng 12,7%.

* **Vận tải hành khách:** Doanh thu 8 tháng đầu năm ước đạt 13.916,2 tỷ đồng, tăng 13,9% so cùng kỳ. Vận tải đường bộ chiếm 84,7%, tăng 15,6%, đường hàng không chiếm 13,4%, tăng 3,1%.

2. Hàng hóa qua cảng

Tổng lượng hàng hóa thông qua cảng sông và cảng biển tháng 9 ước thực hiện 7.420,6 nghìn tấn, giảm 0,6% so tháng trước và tăng 20,2% so với tháng 9/2013. 9 tháng đầu năm ước đạt 62.121,4 nghìn tấn, tăng 15,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó

hàng hoá xuất khẩu 23.658 nghìn tấn, chiếm 38,1%, tăng 14,5%; hàng nhập khẩu 28.445,9 nghìn tấn, chiếm 45,8%, tăng 18,1%.

Hàng hoá thông qua cảng

	Ước thực hiện (nghìn tấn)		% so sánh	
	Tháng 9	9 tháng	Tháng 9 so tháng 8	9 tháng so với cùng kỳ 2013
Tổng số	7.420,6	62.121,4	99,4	115,1
<i>* Phân theo loại cảng</i>				
Cảng biển	7.210,6	60.306,5	99,8	114,5
Cảng sông	209,9	1.814,9	88,2	140,4
<i>* Phân theo loại hàng bốc xếp</i>				
Hàng xuất khẩu	2.835,7	23.658,0	100,4	114,5
Hàng nhập khẩu	3.512,5	28.445,9	99,8	118,1
Hàng nội địa	1.072,4	10.017,5	96,0	108,8

IX. TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

1. Tài chính

Tổng thu ngân sách Nhà nước 9 tháng ước thực hiện 191.346,6 tỷ đồng, đạt 83,8% dự toán, tăng 13,6% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 101.390,4 tỷ đồng, đạt 81,6% dự toán, tăng 18,2% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 64.300 tỷ đồng, đạt 86% dự toán, tăng 17,2%; thu từ dầu thô 23.626,2 tỷ đồng, đạt 86,5% dự toán, tăng 2,5%.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2014 (Tỷ đồng)		% thực hiện 9 tháng năm 2014 so với	
	Dự toán	Ước TH 9 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2013
Tổng thu	228.340	191.346,6	83,8	113,6
Tổng thu cân đối ngân sách NN	226.300	189.316,6	83,7	115,7
I- Thu nội địa	124.200	101.390,4	81,6	118,2
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	23.950	20.505,2	85,6	118,7
2. Khu vực ngoài nhà nước	29.500	23.042,1	78,1	109,7
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	33.745	27.475,9	81,4	127,6
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	74.800	64.300,0	86,0	117,2
III- Thu từ dầu thô	27.300	23.626,2	86,5	102,5

Thu từ doanh nghiệp nhà nước 9 tháng ước 20.505,2 tỷ đồng, chiếm 20,2% tổng thu nội địa, tăng 18,7% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương 12.621,5 tỷ đồng, tăng 21,2%; Nhà nước địa phương 7.883,6 tỷ đồng, tăng 15%.

Thu từ khu vực ngoài nhà nước 23.042,1 tỷ đồng, chiếm 22,7%, tăng 9,7% so cùng kỳ. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài 27.475,9 tỷ đồng, chiếm 27,1%, tăng 27,6%. Thu khác 30.367,3 tỷ đồng, tăng 16,9%; trong đó tiền sử dụng đất 6.737 tỷ đồng, tăng 49,6%; thuế thu nhập cá nhân 13.948,5 tỷ đồng, tăng 1,2%.

Thu ngân sách nhà nước địa phương 9 tháng ước 43.805,4 tỷ đồng, vượt 6,5% dự toán, tăng 25,5% so cùng kỳ.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 9 tháng ước thực hiện 30.718,3 tỷ đồng, đạt 73,2% dự toán, tăng 2,6% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2014 (Tỷ đồng)		% thực hiện 9 tháng năm 2014 so với	
	Dự toán	Ước TH 9 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2013
Tổng chi (trừ tạm ứng)	41.979,3	30.718,3	73,2	102,6
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	11.145,9	12.538,5	112,5	131,1
II- Chi thường xuyên	29.500,0	17.693,8	60,0	103,3
Trong đó: Sự nghiệp kinh tế	4.080,3	1.769,8	43,4	77,1
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	8.296,2	5.329,4	64,2	110,0
Sự nghiệp y tế	3.269,7	2.067,7	63,2	115,9
Quản lý hành chính	4.608,4	2.974,5	64,5	107,9

Chi đầu tư phát triển 9 tháng ước thực hiện 12.538,5 tỷ đồng, tăng 31,1% so cùng kỳ, trong đó chi trả lãi và vốn vay 3.126,6 tỷ đồng.

Chi thường xuyên 9 tháng ước 17.693,8 tỷ đồng, tăng 3,3% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 1.769,8 tỷ đồng, giảm 22,9%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 5.329,4 tỷ đồng, tăng 10%; chi sự nghiệp y tế 2.067,7 tỷ đồng, tăng 15,9%; chi quản lý hành chính tăng 7,9%; chi đảm bảo xã hội tăng 14,1%; chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học tăng 37,8%.

Tổng chi ngân sách nhà nước địa phương kể cả tạm ứng 9 tháng ước 47.658 tỷ đồng, vượt 13,5% dự toán, tăng 4% so cùng kỳ.

2. Tín dụng ngân hàng:

- Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 9 đạt 1.215,9 ngàn tỷ đồng, tăng 0,5% so với tháng trước (chỉ số này tháng trước: +0,3%); so với tháng cùng kỳ tăng 14,4%. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 56,3% tổng vốn huy động, tăng 16,6% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 15,1% tổng vốn huy động, tăng 5,5% so tháng cùng kỳ; vốn huy động VNĐ chiếm 84,9% tổng vốn huy động, tăng 16,2% so tháng cùng kỳ. Tiền gửi tiết kiệm chiếm 56,2%, tăng 17,9% so với tháng cùng kỳ.

- Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 9 đạt 1.000,5 ngàn tỷ đồng, tăng 0,7% so với tháng trước, thấp hơn chỉ số của tháng 8 (+1,4%); so với tháng 12/2013 tăng 5,0%; so với tháng cùng kỳ dư nợ tăng 11,5%.

Dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 555,6 ngàn tỷ đồng, chiếm 55,5% tổng dư nợ, tăng 14,7% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ đạt 167,8 ngàn tỷ đồng, chiếm 16,8% tổng dư nợ, tăng 9,6% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ đạt 832,7 ngàn tỷ đồng, chiếm 83,2% tổng dư nợ, tăng 11,9% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng trung, dài hạn chiếm 49,3%, tăng 21,3% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng ngắn hạn chiếm 50,7%, tăng 3,4% so tháng cùng kỳ.

3. Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 08/2014, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 303 gồm 302 mã cổ phiếu và 1 mã chứng chỉ quỹ, giảm 1 mã chứng khoán so với cuối tháng 07/2014 (ngày 21/08 hủy nhiệm yết mã chứng chỉ quỹ MAFPF1 của quỹ đầu tư tăng trưởng Manulife với lý do quỹ giải thể do hết thời gian hoạt động). Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết là 1.133.586,00 tỷ đồng, tăng 34,6% so với cuối năm 2013. Trong tháng 08/2014 có 21 phiên giao dịch, 13 phiên tăng điểm và 8 phiên giảm điểm. Trong tháng này, VN-Index có sự bùng nổ mạnh mẽ khi có nhiều lần đạt đỉnh mới trong năm vào các ngày 5, 21, 22, 25, 26, 28, 29 và kết thúc tháng với mức cao nhất kể từ đầu năm. Đến cuối tháng, VN-Index đạt 636,65 điểm, tăng 132,02 điểm (tương ứng tăng 26,2%) so với cuối năm trước và tăng 40,58 điểm (tương ứng tăng 6,8%) so với cuối tháng trước.

Khối lượng giao dịch của tháng 08/2014 đạt 2.526,60 triệu chứng khoán, tăng 4,6% so với tháng 07/2014. Giá trị giao dịch của tháng đạt 48.952,89 tỷ đồng, tăng 23,8% so tháng 07/2014. Trung bình mỗi phiên có 120,31 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 2.331,09 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên tăng 14,5% và giá trị giao dịch tăng 35,6% so với tháng 07/2014.

Trong năm 2014, VN-Index đạt mức thấp nhất vào ngày 02/01 với 504,51 điểm và đạt mức cao nhất vào ngày 29/08 với 636,65 điểm.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 08/2014	8 tháng năm 2014	Tháng 08 so tháng 07	8 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	2.526,60	18.676,73	104,6	192,1
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	2.526,25	18.659,04	104,6	193,6
Trái phiếu	0,00	15,50	-	76,7
Chứng chỉ quỹ	0,35	2,19	145,8	3,4
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	2.330,42	17.539,75	104,2	199,0
Giao dịch thỏa thuận	196,18	1.136,98	109,5	125,1
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	48.952,89	319.820,83	123,8	188,5
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	48.949,44	318.447,98	123,8	190,3
Trái phiếu	0,00	1.352,00	-	82,4
Chứng chỉ quỹ	3,45	20,85	144,4	3,1
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	40.566,06	280.194,46	117,3	198,8
Giao dịch thỏa thuận	8.386,83	39.626,37	169,2	138,2

Cập nhật đến ngày 15/09/2014, tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 303 chứng khoán. Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết là 1.122.954,60 tỷ đồng, tăng 33,3% so với cuối năm 2013. VN-Index tại ngày 15/09 đạt 630,34 điểm, tăng 125,71 điểm so với cuối năm 2013 (tương ứng tăng 24,9%).

X. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Hoạt động văn hóa thông tin

Công tác tổ chức những ngày lễ lớn trong 9 tháng qua đã được tổ chức trọng thể, các hoạt động kỷ niệm, tuyên truyền, cổ động chính trị luôn gắn với tinh thần giáo dục lòng yêu nước, truyền thống lịch sử của dân tộc... Ý nghĩa của các hoạt động lễ hội chính là điểm nhấn làm cho hình ảnh của Thành phố Hồ Chí Minh càng ngày càng sinh động và ấn tượng trong mắt du khách trong và ngoài nước. Trung tâm Văn hóa Thành phố đã đại diện Thành phố tham dự 05 cuộc Liên hoan, Hội diễn cấp quốc gia gồm: Liên hoan Đờn ca tài tử toàn quốc lần thứ I tại tỉnh Bạc Liêu; Liên hoan Tiếng hát miền Đông năm 2014; Liên hoan Ca trù toàn quốc năm 2014; Liên hoan Đờn ca Tài tử Nam Bộ tỉnh Long An lần thứ XX – 2014; Liên hoan Hát ru, dân ca cổ truyền toàn quốc năm 2014. Bên cạnh đó, Trung tâm cũng đã tổ chức 02 cuộc Liên hoan cấp Thành phố (Liên hoan Văn nghệ thiếu nhi hè, Liên hoan Giai điệu quê hương) và Chương trình văn nghệ kỷ niệm Ngày thương binh liệt sĩ 27-7 cùng nhiều hoạt động phục vụ các xã xây dựng Nông thôn mới.

- **Về nghệ thuật:** Từ đầu năm đến nay các đơn vị nghệ thuật thuộc Sở đã thực hiện hơn 1.508 suất diễn (Trung tâm Tổ chức Biểu diễn và Điện ảnh: 456 suất, phục vụ 304,4 ngàn lượt người xem; Nhà hát Nghệ thuật Hát Bội: 142 suất, phục vụ 71,4 ngàn lượt người xem; Nhà hát Nghệ thuật Phương Nam: 608 suất, phục vụ 268,9 ngàn lượt người xem; Trung tâm Ca nhạc nhẹ: 74 suất, phục vụ 201 ngàn lượt người xem; Nhà hát Kịch Thành phố: 81 suất, phục vụ hơn 18,9 ngàn lượt người xem, Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang: 80 suất, phục vụ 84,4 ngàn lượt người xem; Nhà hát Ca múa nhạc dân tộc Bông Sen: 67 suất, phục vụ 63,3 ngàn lượt người xem...) và đã tổ chức 415 suất biểu diễn phục vụ vùng sâu, vùng xa, ngoại thành, trường trại, thu hút hơn 197,1 ngàn lượt người xem (trong đó, có 26 suất phục vụ trường trại, phục vụ 2,6 ngàn lượt người xem và 389 suất phục vụ ngoại thành, vùng xa, phục vụ 194,5 ngàn lượt người xem). Chương trình nghệ thuật “Sen” của Nhà hát Ca múa nhạc dân tộc Bông Sen với những tiết mục ca múa đặc sắc đầy ý nghĩa, đậm chất nghệ thuật không những phục vụ cho người dân thành phố thưởng thức mà còn góp phần quảng bá nghệ thuật dân tộc Việt Nam đến với du khách quốc tế, chương trình cũng được Tổ chức kỷ lục Việt Nam xác lập kỷ lục “Chương trình nghệ thuật về sen đặc sắc nhất”. Song song đó, hai chương trình nghệ thuật Xưa và Nay mang chủ đề “Tình ca Việt Nam” và “Thành phố vào xuân” do Nhà hát Ca múa nhạc dân tộc Bông Sen tổ chức cũng tạo được dư âm ngọt ngào về một chương trình nghệ thuật mang đậm bản sắc văn hóa Sài Gòn. Nhiều chương trình văn hóa - nghệ thuật đặc sắc cũng được tổ chức thành công nhằm phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí, hưởng thụ văn hóa tinh thần cho người dân thành phố như: Chương trình nhạc kịch “High School Musical” phiên bản Việt, “Sống mãi tuổi xuân”, “Mã đáo thành công”, “À ô show”, “Làng tôi”, Chương trình Đại nhạc hội mùa xuân với chủ đề “Xuân yêu thương”, “Xuân ấm nồng”, phối hợp với tỉnh Tiền Giang tổ chức chương trình nghệ thuật Sân khấu hóa “95 năm hình thành và phát triển Nghệ thuật cải lương”...

- **Về hoạt động thư viện:** Từ đầu năm đến nay, Thư viện Khoa học Tổng hợp đã tổ chức 19 đợt triển lãm với 1.461 cuốn sách, báo, tạp chí và bản đồ; phục vụ 18,8 ngàn lượt tài liệu thu hút 15,4 ngàn lượt bạn đọc; phục vụ lưu động 49 chuyến với 236,4 ngàn lượt tài liệu thu hút 67,9 ngàn lượt bạn đọc. Tham dự Liên hoan cán bộ Thư viện tuyên truyền giới thiệu sách chủ đề “Âm vang Điện Biên” tại Thành phố Điện Biên; tổ chức Hội thi Nét Vẽ Xanh lần thứ 17, có 712 tác phẩm đạt giải; tổ chức các chương trình và hội thi: Vẽ Áo Dài trên giấy, Kể chuyện sách hè, Hội thi Đồ em... đã thu hút hơn 1.000 em thí sinh tham dự.

Lượt người đọc trong 09 tháng đạt 1.283,5 ngàn lượt, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước, đạt 128% kế hoạch năm và phục vụ 3.524,1 ngàn lượt tài liệu đạt 96% kế hoạch.

- **Về công tác bảo tàng:** Các bảo tàng trực thuộc Sở đã tổ chức được 167 cuộc trưng bày, triển lãm (trong đó có 77 cuộc trưng bày, triển lãm lưu động phục vụ hơn 1 triệu lượt khách). Tổng số khách tham quan tại các bảo tàng ước đạt 2,1 triệu lượt (tăng 2% so với cùng kỳ năm trước); trong đó khách nước ngoài ước đạt 600 ngàn lượt, tăng 3%. Các bảo tàng trực thuộc Sở đang thực hiện công tác tuyên truyền quảng bá, giới thiệu hoạt động qua website của các Bảo tàng nhằm phục vụ người xem, thường xuyên nâng cấp và cập nhật các thông tin hoạt động mới.

- **Về công tác thanh, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính:** Đã tiến hành kiểm tra, xử lý 343 tổ chức, cá nhân vi phạm trong hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa và du lịch trên địa bàn thành phố, tổng số tiền phạt hơn 5,8 tỷ đồng và tịch thu tịch thu nhiều tang vật khác.

2. Hoạt động thể dục thể thao

- **Thể thao quần chúng:** Phong trào thể dục thể thao quần chúng trong 9 tháng đầu năm 2014 tiếp tục diễn ra sôi nổi với nhiều hình thức đa dạng và phong phú. Các quận, huyện đã chủ động phối hợp cùng các đơn vị trên địa bàn tổ chức gần 300 giải thể thao, trò chơi vận động, biểu diễn Lân – Sư – Rồng... chào mừng các ngày lễ lớn. Công tác tổ chức giải ở cấp quận, huyện được triển khai đúng tiến độ. Nhiều hoạt động thể thao dành cho cộng đồng được tổ chức dưới hình thức xã hội hóa thu hút sự quan tâm và số lượng người tham dự đông đảo.

Giải thể thao Người khuyết tật tiếp tục tổ chức với 4 môn thể thao và đã thu hút được hơn 200 vận động viên thuộc 18 đơn vị nuôi dạy người khuyết tật, các trường chuyên biệt và Trung tâm TĐTT, VH-TT tham dự. Tại Hội thi thể thao người khuyết tật toàn quốc 2014 vừa kết thúc tại Cần Thơ, Đoàn Thể thao người khuyết tật Thành phố tiếp tục giữ vững vị trí nhất toàn đoàn với 269 HCV, 274 HCB, 168 HCD.

- **Thể thao thành tích cao:** Để chuẩn bị lực lượng tham dự các giải thể thao toàn quốc và quốc tế, đóng góp lực lượng cho đội tuyển quốc gia tham dự Đại hội Thể thao châu Á - ASIAD lần thứ 17 (ở Incheon, Hàn Quốc), Olympic trẻ lần II - Summer Youth Olympic Games (ở Nam Kinh, Trung Quốc), Đại hội Thể thao Biển

châu Á lần 4 - Asian Beach Games (ở Phuket, Thái Lan)... Thực hiện Quyết định triệu tập tập huấn của Tổng cục Thể dục Thể thao, từ đầu năm đến nay có: 23 lượt HLV, 102 lượt VĐV thuộc 23 môn được triệu tập vào đội dự tuyển quốc gia và 17 HLV, 73 VĐV thuộc 13 môn vào đội trẻ quốc gia.

Ngành Thể thao thành phố cũng đã triển khai tổ chức giải thi đấu các cấp, tuyển chọn cử vận động viên tập huấn, thi đấu trong và ngoài nước. Cụ thể:

- Tập huấn trong nước: Tổ chức tập huấn cho 382 lượt HLV, 1.932 lượt VĐV, 7 chuyên gia thuộc 37 môn thể thao (cùng kỳ năm 2013 cử 340 HLV, 1.736 VĐV, 4 chuyên gia thuộc 34 môn tập huấn trong nước).

- Tập huấn nước ngoài: Cử 21 lượt HLV, 126 lượt VĐV thuộc 10 môn thể thao (cùng kỳ năm ngoái cử 15 lượt HLV, 86 lượt VĐV thuộc 10 môn thể thao).

- Thi đấu trong nước: Cử 529 lượt HLV, 3.176 lượt VĐV, 15 lượt chuyên gia, 65 trọng tài thuộc 43 môn thể thao tham dự các giải trong nước, thành tích đạt: 556 HCV, 452 HCB, 404 HCD (cùng kỳ năm 2013 cử 556 lượt HLV, 3.091 lượt VĐV, 10 chuyên gia, 76 trọng tài thuộc 30 môn thể thao, đạt: 555 HCV, 452 HCB, 404 HCD). Trong đó, giải toàn quốc đạt: 56 HCV, 54 HCB, 48 HCD, giải Trẻ toàn quốc đạt: 194 HCV, 144 HCB, 167 HCD.

- Thi đấu Quốc tế: Cử 115 lượt HLV, 506 lượt VĐV, 10 lượt chuyên gia, 11 trọng tài thuộc 28 môn thể thao tham dự, thành tích đạt: 80 HCV, 67 HCB và 61 HCD (năm 2013: Cử 127 lượt HLV, 550 lượt VĐV, 06 lượt chuyên gia, 05 lượt trọng tài thuộc 31 môn thể thao đạt: 94 HCV, 88 HCB và 69 HCD).

3. Y tế

3.1. Tình hình dịch bệnh (tính từ đầu năm đến 15/8/2014)

Thành phố vẫn tiếp tục tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát, chỉ đạo, hỗ trợ công tác phòng chống dịch bệnh tại 24 quận, huyện, tập trung mạnh vào những quận, huyện có số ca mắc cao về tay chân miệng, sốt xuất huyết như Bình Chánh, Quận 8, Bình Thạnh, Hóc Môn, Tân Phú... Đồng thời tăng cường công tác phòng chống dịch thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và tổ chức tuyên truyền trong các trường học. Kiểm soát bệnh trong các trường mầm non, nhóm trẻ gia đình và các ca bệnh ở cộng đồng đông dân cư, nhất là ở các khu nhà trọ, xử lý triệt để các ca bệnh và ổ dịch theo hướng dẫn của Trung tâm Y tế Dự phòng, phát động chiến dịch “vệ sinh khử khuẩn, vệ sinh môi trường, diệt muỗi, diệt lăng quăng, phòng ngừa dịch bệnh trên địa bàn thành phố”. Tình hình các dịch bệnh cụ thể như sau:

- **Bệnh sốt xuất huyết:** Số ca mắc bệnh là 4.277 ca, tăng 2,4% (+99 ca) so với cùng kỳ năm 2013; có 03 ca tử vong (bằng với cùng kỳ năm trước).

- **Bệnh tay chân miệng:** có 5.933 ca mắc, tăng 27,2% so với cùng kỳ năm 2013, không có trường hợp tử vong.

- **Sởi hoặc sốt phát ban nghi sởi:** ghi nhận 2.507 ca mắc bệnh, không có trường hợp tử vong. Thành phố đã tổ chức tiêm Sởi từ ngày 01/5 đến ngày 26/6, tổng cộng: 83.329 mũi. Trong đó: tiêm chủng thường xuyên 26.739 mũi; tiêm vét cho trẻ từ 3 đến 10 tuổi: 56.590 mũi. Không có ca phản ứng sau tiêm.

- **Bệnh tiêu chảy:** ghi nhận 02 ca tử vong tại huyện Bình chánh.

- **Tình hình dịch bệnh Ebola:** Hiện nay, Việt Nam chưa có trường hợp mắc dịch bệnh Ebola, nhưng thành phố đã chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp: Triển khai phòng, chống dịch bệnh đến các Trung tâm Y tế dự phòng quận, huyện, thành lập các đội phản ứng nhanh tuyến thành phố và tuyến quận huyện, đồng thời hướng dẫn, huấn luyện quy trình điều tra, xử lý ca bệnh cho các đội này và tổ chức truyền thông tại cộng đồng. Rà soát lại cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân sự tại các khu vực cách ly kiểm dịch của từng quận, huyện. Chuẩn bị đầy đủ vật tư, hóa chất, trang thiết bị dự phòng khi có dịch xảy ra. Thực hiện giám sát hành khách nhập cảnh bằng máy đo thân nhiệt từ xa và các biện pháp khác theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

3.2. Vệ sinh an toàn thực phẩm: Tính từ đầu năm đến nay, trên địa bàn thành phố xảy ra 03 vụ ngộ độc thực phẩm với 412 người mắc. Các cơ quan chức năng đã tiến hành điều tra, giám sát việc khắc phục, kết luận và chuyển các hồ sơ có liên quan cho Thanh tra xử lý các cơ sở để xảy ra ngộ độc thực phẩm theo thẩm quyền.

3.3 Công tác kiểm tra, thanh tra VSAT-TP: trong 9 tháng đầu năm đã tiến hành thanh tra, kiểm tra 21.596 cơ sở, phát hiện 10.265 cơ sở vi phạm, tiến hành xử lý phạt tiền 996 cơ sở, với tổng số tiền phạt là 4,5 tỷ đồng, tiêu hủy sản phẩm của 232 cơ sở. Số cơ sở còn lại nhắc nhở và tiếp tục xử lý.

3.4. Công tác khám chữa bệnh và điều trị:

Dự ước 9 tháng đầu năm tổng số lượt khám và điều trị bệnh là 22 triệu lượt, trong đó tổng số lượt bệnh nhân điều trị nội trú gần 1 triệu lượt. Số liệu khám chữa bệnh thực hiện đạt và vượt so với kế hoạch cũng như so với cùng kỳ năm trước.

4. Giáo dục, đào tạo:

* **Tình hình tốt nghiệp:** Kết thúc năm học 2013-2014, toàn thành phố có 65.723 học sinh trung học phổ thông tham dự thi tốt nghiệp. Trong đó hệ trung học phổ thông có 57.531 thí sinh, hệ bổ túc (giáo dục thường xuyên) có 8.192 thí sinh. Kết quả có 64.455 học sinh dự thi đạt tốt nghiệp (tương đương 98,07% tốt nghiệp trung học phổ thông). Trong đó, hệ phổ thông là 57.312 học sinh (tỷ lệ thi đạt 99,62%); hệ bổ túc văn hóa là 7.143 học sinh (tỷ lệ thi đạt 87,19%).

Cấp tiểu học: Tổng số học sinh lớp 5 là 109.356 học sinh, trong đó nữ là 53.021 học sinh, số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học là 109.104 học sinh (đạt 99,77%), trong đó nữ là 52.861 học sinh (đạt 99,7%).

Cấp trung học cơ sở: Số học sinh tốt nghiệp lớp 9 năm học 2013-2014 là 75.169 học sinh, trong đó: Hệ phổ thông là 74.224 học sinh; hệ bổ túc văn hóa là 945 học sinh.

*** Tình hình tuyển sinh các cấp phổ thông năm học 2014-2015:**

Lớp 1: Số tuyển sinh vào lớp 1 là 128.158 học sinh, tăng 6,58% so năm học trước. Công tác tuyển sinh bắt đầu từ ngày 01/7 và công bố kết quả vào ngày 31/7.

Lớp 6: Số tuyển sinh vào lớp 6 là 110.141 học sinh, tăng 16,38% so năm học trước. Công tác tuyển sinh bắt đầu từ ngày 15/6 và công bố kết quả vào ngày 15/7.

Lớp 10: Số tuyển sinh vào lớp 10 công lập năm học 2014-2015 là 59.636 học sinh, tăng 8,91% so với năm học trước.

*** Đào tạo đại học, cao đẳng:** Tổng số hồ sơ đăng ký dự thi đại học - cao đẳng năm nay tại các trường trên địa bàn thành phố là 129,6 ngàn hồ sơ, giảm 12,6% so với năm 2013. Số hồ sơ đăng ký dự thi giảm thực chất là giảm lượng hồ sơ ảo, cho thấy hiệu quả tích cực của công tác hướng nghiệp và một phần còn vì lý do lệ phí hồ sơ ĐKDT cao. Trong khi năm 2013 số hồ sơ khối ngành kinh tế, ngoại thương, marketing có xu hướng giảm, thì năm 2014 dù tình hình chung là số hồ sơ ĐKDT giảm nhưng khối ngành kinh tế tăng, dấu hiệu cho thấy tình hình kinh tế, đặc biệt khối tài chính đã dần hồi phục là lý do chính số hồ sơ vào khối ngành này tăng.

5. Trật tự an toàn xã hội: (tính từ 16/11/2013 đến 15/8/2014)

- **Vi phạm kinh tế:** Đã phát hiện và xử lý 1.100 vụ, thu giữ hàng hóa, tang vật trị giá khoảng 97 tỷ đồng.

- **Vi phạm môi trường:** phát hiện 565 vụ, xử phạt hành chính 400 vụ, thu nộp ngân sách Nhà nước trên 20 tỷ đồng.

- **Phạm pháp hình sự:** Đã xảy ra 4.668 vụ, tăng 0,2% so với cùng kỳ năm trước. Số vụ đã được điều tra khám phá là 3.009 vụ (chiếm 64,5% số vụ đã xảy ra), bắt 3.716 tên.

- Tình hình hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội

* **Ma túy:** Số vụ vi phạm về ma túy là 1.263 vụ, bắt 2.600 tên, thu giữ 25,7 kg heroin, 1,9 kg cocain, 27,7 kg ma túy tổng hợp, 2,9 kg tiền chất PSE, 1,3 kg tạp chất gây nghiện, 9,7 kg cần sa và nhiều công cụ, phương tiện phạm tội khác. Đã khởi tố 956 vụ với 1.433 bị can và xử lý hành chính 307 vụ với 1.167 đối tượng.

* **Mại dâm và tệ nạn xã hội khác:** Đã triệt phá 48 ổ mại dâm lợi dụng kinh doanh nhà trọ, khách sạn để hoạt động, xử lý 268 người tổ chức môi giới và hoạt động mại dâm.

* **Cờ bạc, cá độ:** Đã phát hiện và lập hồ sơ xử lý 582 vụ tổ chức cờ bạc, bắt 3.048 người tham gia, thu giữ trên 4,9 tỷ đồng, 1.374 USD và một số tài sản khác.

- Trật tự an toàn giao thông

* **Tai nạn giao thông đường bộ:** Đã xảy ra 593 vụ tai nạn, giảm 14,1% so với cùng kỳ năm 2013, làm chết 502 người, giảm 14%, bị thương 209 người, giảm 14,3%.

***Tai nạn đường sắt, đường thủy:** Đã xảy ra 01 vụ tai nạn giao thông đường sắt, làm chết 01 người. Tai nạn giao thông đường thủy xảy ra 03 vụ và 05 vụ va chạm, không gây thiệt hại về người, thiệt hại về tài sản không đáng kể.

- **Tình hình cháy, nổ (từ 16/12/2013 đến 07/9/2014):** Đã xảy ra 217 vụ cháy, giảm 53,3% (-248 vụ) so với cùng kỳ năm trước, làm chết 8 người và bị thương 10 người, thiệt hại về tài sản khoảng 43,8 tỷ đồng (trong đó có 30 vụ chưa ước tính được thiệt hại). Ngoài ra, còn xảy ra 08 vụ tự đốt gây cháy, giảm 01 vụ so với cùng kỳ năm trước, làm chết 02 người, bị thương 07 người, thiệt hại về tài sản ước khoảng 600 ngàn đồng (trong đó có 02 vụ chưa ước tính thiệt hại).

Xảy ra 05 vụ nổ, giảm 02 vụ so với cùng kỳ, làm chết 05 người, bị thương 03 người, thiệt hại về tài sản ước khoảng 154 triệu đồng (có 03 vụ chưa ước tính được thiệt hại).

6. Công tác giảm hộ nghèo, tăng hộ khá:

Ngày 14/1/2014 Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định 03/2014/QĐ-UBND về chuẩn hộ nghèo và hộ cận nghèo thành phố áp dụng cho giai đoạn 2014 – 2015. Theo đó, hộ nghèo là hộ có thu nhập từ 16 triệu đồng/người/năm trở xuống và hộ cận nghèo là hộ có thu nhập trên 16 triệu đồng đến 21 triệu đồng/người/năm. Tính đến 31/7 số hộ nghèo trên địa bàn thành phố là 83.270 hộ, chiếm tỷ lệ 4,56% tổng số hộ dân tại thời điểm điều tra dân số thành phố thời điểm 01/04/2009 và hộ cận nghèo thành phố là 49.705 hộ, chiếm tỷ lệ 2,72% tổng số hộ dân thành phố.

Quỹ xóa đói giảm nghèo: Tổng quỹ là 278,3 tỷ đồng, đang trợ vốn cho 30.616 hộ nghèo với số tiền 222,1 tỷ đồng và 156 cơ sở sản xuất kinh doanh thu nhập 1.714 lao động nghèo.

Thực hiện chính sách ưu đãi xã hội cho người nghèo – hộ nghèo, từ đầu năm đến nay ngành chức năng của thành phố đã lập danh sách và cấp phát 219,2 ngàn thẻ BHYT cho người nghèo - người cận nghèo.

Công tác chăm lo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trong các dịp lễ, tết: Thành phố chăm lo cho 75.904 hộ nghèo, với tổng số tiền 74,5 tỷ đồng; 27.507 hộ thuộc nhóm hộ cận nghèo và hộ mới vượt chuẩn cận nghèo, với tổng số tiền 10,8 tỷ đồng.

+ **Bảo trợ xã hội:** : Tổng số đối tượng bảo trợ xã hội hiện thành phố đang quản lý 6.698 người (trong đó, tiếp nhận mới trong kỳ là 824 người và đã giải quyết hồi gia 720 người). Phối hợp với Bảo hiểm xã hội thành phố gia hạn 97.272 thẻ Bảo hiểm y tế, đảm bảo 100% số đối tượng đủ điều kiện hưởng chế độ bảo hiểm y tế, mua bổ sung 13.382 thẻ, tăng 25% so với cùng kỳ năm 2013 và đạt 93,6% số thẻ dự kiến mua theo kế hoạch năm 2014. Phát quà cho trẻ em tại các Trung tâm nuôi dưỡng trẻ nhân Ngày Quốc tế thiếu nhi 01/6. Ban hành 51.633 giấy mừng thọ cho quận - huyện, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2013. Rà soát và thông qua danh sách 509 người cao tuổi (trong đó có 197 người 100 tuổi và 309 người trên 100 tuổi) nhận Giấy mừng thọ của Chủ tịch nước.

Công tác chăm lo nhân dịp lễ, tết: Tổng kinh phí chăm lo cho đối tượng bảo trợ xã hội của Thành phố nhân dịp lễ, tết là 82,5 tỷ đồng.

7. Giải quyết việc làm:

Tính đến ngày 31/8/2014, các khu vực kinh tế trên địa bàn thành phố đã thu hút và giải quyết việc làm cho 195,4 ngàn lượt lao động (trong đó nữ: 97,3 ngàn lượt, chiếm 49,8%), lao động có việc làm ổn định 125,2 ngàn người, số chỗ việc làm mới tạo ra 77 ngàn chỗ làm.

Dự ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2014 sẽ giải quyết việc làm cho 218,4 ngàn lượt người, tăng 1,03% so cùng kỳ năm trước, đạt 82,4% kế hoạch năm. Số chỗ việc làm mới được tạo ra là 88 ngàn chỗ làm, tăng 0,5% so cùng kỳ 2013, đạt 73,3% kế hoạch đề ra.

Năm 2014, thành phố tiếp tục triển khai thực hiện cập nhật biến động của thị trường cung - cầu lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong tuyển dụng và người lao động tìm việc. Đồng thời thường xuyên tổ chức các hoạt động giới thiệu việc làm miễn phí và tư vấn hướng nghiệp, gắn kết doanh nghiệp với các trường nghề quận, huyện và thành phố. Tăng cường các hoạt động giao dịch việc làm để hỗ trợ tìm việc làm cho người thất nghiệp và hỗ trợ tích cực cho doanh nghiệp đang tìm kiếm nguồn lao động.

8. Tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp:

Từ ngày 02/01 đến ngày 30/8, đã có 82,5 ngàn người lao động đến Trung tâm giới thiệu việc làm thành phố đăng ký thất nghiệp, giảm 7,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó có 76,7 ngàn người nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp, giảm 3,5% so cùng kỳ năm 2013. Đã có 79,1 ngàn người nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp (bao gồm những người đã nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp vào thời gian cuối năm 2013 nhưng đến đầu năm 2014 mới giải quyết hồ sơ), có 78,2 ngàn lượt người được tư vấn giới thiệu việc làm, 6,4 ngàn người được hỗ trợ học nghề.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh tháng 9 và 9 tháng năm 2014.